TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH
Bản án số: 13/2024/DS-ST
Ngày: 25-4-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Điền.
Ông Nguyễn Văn Hiệp.
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quế Anh – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhanh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 394/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2023 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Phạm Trường G, sinh năm: 1978 (*Có mặt*).
Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang.
- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn Thanh T, sinh năm: 1972 (*Vắng mặt không lý do*).
Địa chỉ: ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22-12-2023, bản tự khai không đề ngày tháng năm và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Trường G trình bày:

Vào ngày 08-8-2022, ông có chuyển khoản cho ông Nguyễn Văn T1 Thoảng số tiền 50.000.000 đồng để bắt vịt (Tiền này nguồn gốc do ông đi vay của người khác mà có và phải đóng lãi rất nhiều). Ông T là người môi giới mua bán vịt. Ngày 09-8-2022, khi ông chạy xe qua gặp ông T để bắt vịt, thì ông T nói vịt chưa lựa ra được, kêu ông về, rồi ông T sẽ lựa vịt ra sẵn và cho xe chạy tới chỗ cho ông. Nhưng sau đó, ông T điện thoại cho ông nói vịt xấu quá, hứa trả lại 50.000.000 đồng để ông đi mua vịt chỗ khác. Tiếp đó, ông T điện thoại lại nói ông có "kẹt" tiền thì mượn chỗ khác, còn số tiền 50.000.000 đồng ông T vay luôn của ông, sẽ đóng lãi và trả lại gốc sau cho ông. Sau đó, ông T có trả lãi cho ông nhận là 2.000.000

đồng, thì ngưng không đóng nữa, cũng không trả lại tiền gốc. Mặc dù ông đã đòi rất nhiều lần và có gửi đơn nhờ Tổ hòa giải Ban N, xã H giải quyết vụ việc, nhưng ông T vẫn không đến dự các lần mời, cố ý trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho ông. Do một mình ông T vay tiền của ông, nên nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải trả cho ông 50.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 08-8-2022 đến ngày 22-12-2023 với mức lãi suất 1,5%/tháng là 12.300.000 đồng, tổng cộng gốc lãi là 62.300.000 đồng. Và yêu cầu tiếp tục tính lãi của số tiền 50.000.000 đồng kể từ ngày 23-12-2023 cho đến khi kết thúc vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo triệu tập của Tòa cho bị đơn ông Nguyễn Văn Thanh T tại địa chỉ ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, nhưng ông T đều không đến Tòa trong các buổi mời làm việc, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nên Tòa án không lấy được lời khai của ông T. Tuy nhiên, qua xác minh với chính quyền địa phương ấp K, xã H cho biết từ trước nay ông T có đăng ký thường trú tại địa phương, chung hộ với vợ là bà Phạm Thị Đ; Chính quyền địa phương và bà Đ xác nhận ông T đã bỏ đi khỏi địa phương để làm ăn ở P từ sau Tết Nguyên đán (Khoảng tháng 02 năm 2024) đến nay không trở về lần nào, không biết địa chỉ cư trú mới của ông T ở đâu; Bà Đ có biết việc ông T nợ tiền của ông Phạm Trường G 50.000.000 đồng, nhưng do hoàn cảnh gia đình có nhiều khó khăn, nên ông T chưa trả được tiền cho ông G. Do ông T bỏ khỏi địa phương sau thời điểm Tòa án thụ lý vụ án; Mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông G có mặt xác nhận số tiền lãi 2.000.000 đồng đã nhận của ông T là vào khoảng tháng 10 năm 2023 và ông G không yêu cầu xem xét lại tiền lãi đã nhận này; Ông G vẫn giữ nguyên yêu cầu đòi tiền gốc 50.000.000 đồng, nhưng thay đổi phần yêu cầu tính lãi là nay yêu cầu mức lãi suất 0,83%/tháng (10%/năm) tính trên tiền gốc 50.000.000 đồng từ tháng 11 năm 2023 cho đến ngày xét xử vụ án, ông G rút một phần yêu cầu tiền lãi chênh lệch so với đơn khởi kiện ban đầu. Đối với bị đơn ông T vắng mặt nên không có lời trình bày. Các đương sự không không giao nộp thêm tài liệu, chứng cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa thụ lý đến thời điểm này, Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, đối với nguyên đơn ông G đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương

sự; Đối với bị đơn ông T không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Vị đề nghị căn cứ vào quy định tại các Điều 274, 280, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 144, 147, 227, 228, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Trường G; Buộc ông Nguyễn Văn Thanh T phải trả cho ông G số tiền nợ gồm gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng từ tháng 11 năm 2023 đến ngày 25-4-2024 tính trên số tiền nợ gốc này; Trường hợp ông T chậm trả tiền thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông G về số tiền lãi chênh lệch so với nội dung yêu cầu của đơn khởi kiện. Ngoài ra, V đề nghị nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với ông T và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Càng Long nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Ông Phạm Trường G có đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn Thanh T trả số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định pháp luật; Số tiền nợ gốc này mặc dù xuất phát từ giao dịch mua bán vịt giữa ông G với ông T không thành, khi ông T nhận được tiền của ông G chuyển khoản thì hỏi vay luôn để quản lý, sử dụng mà không trả lại; Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, ông G cũng xác nhận số tiền 50.000.000 đồng là ông T hỏi vay luôn của ông. Nên đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Đối với ông T có địa chỉ cư trú tại ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] *Về xác định tư cách người tham gia tố tụng:* Ông Phạm Trường G khởi kiện yêu cầu một mình ông Nguyễn Văn Thanh T trả nợ tiền vay. Nên xác định ông G là nguyên đơn, ông T là bị đơn. Các đương sự không tranh chấp hay yêu cầu gì với ai khác trong cùng vụ án, nên không phát sinh thêm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] *Về thủ tục tố tụng:* Đối với ông Nguyễn Văn Thanh T là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo triệu tập đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông T đều vắng mặt. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T để tham gia phiên tòa xét xử vụ án vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 19-4-2024 tại trụ sở Tòa án, nhưng ông T vắng mặt lần thứ nhất không lý do. Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với ông T để tham gia phiên tòa xét xử vụ án vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 25-4-2024 tại trụ sở Tòa án, nhưng ông T vẫn tiếp tục vắng mặt không lý do. Nên căn cứ

vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T theo luật định.

[4] *Về nội dung khởi kiện đòi tiền nợ gốc*: Theo Điều 6 và Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định nghĩa vụ chứng minh là nghĩa vụ của các bên đương sự. Nguyên đơn ông G yêu cầu bị đơn ông T trả tiền nợ gốc 50.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, ông G có nộp cho Tòa án Biên nhận chuyển tiền ngày 08-8-2022. Tại Biên bản tiếp xúc ngày 22-3-2024 của Tòa án với bà Phạm Thị Đ (vợ ông Nguyễn Văn Thanh T) thì bà Đ xác nhận có biết việc ông T nợ ông G số tiền 50.000.000 đồng đến nay chưa trả, ông T biết việc ông G khởi kiện ông T ra Tòa án nhưng do đi làm ăn ở xa nên không về được. Đối với chính quyền địa phương ấp K, xã H xác nhận từ trước nay vợ chồng ông T, bà Đ sinh sống hòa thuận tại địa phương, không có mâu thuẫn tranh chấp gì với nhau. Từ khi thụ lý vụ án đến nay, ông T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần, thông báo yêu cầu giao nộp chứng cứ và thông báo công khai các chứng cứ do phía ông G nộp cho Tòa để ông T biết, nhưng ông T vẫn không đến Tòa, không cung cấp lời khai hay chứng cứ gì để phản bác lại yêu cầu của ông G, thậm chí ông T còn bỏ đi khỏi địa phương mà không thông báo nơi đến cho Tòa án biết. Từ đó có cơ sở xác định có việc ông T đã vay và còn nợ ông G số tiền 50.000.000 đồng là sự thật. Xét việc ông T chưa trả khoản tiền đã vay, nên ông G yêu cầu ông T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự.

[5] *Xét về yêu cầu tiền lãi*: Theo đơn khởi kiện, ông G yêu cầu ông T trả tiền lãi theo mức lãi suất 1,5%/tháng tính trên tiền gốc 50.000.000 đồng từ ngày 08-8-2022 đến ngày 22-12-2023 bằng số tiền 12.300.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 23-12-2023 đến khi kết thúc vụ án. Nhưng tại phiên tòa hôm nay, ông G thay đổi yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật là tính trên tiền nợ gốc 50.000.000 đồng với mức lãi suất 0,83%/tháng (10%/năm) kể từ thời điểm ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ (Từ ngày 01-11-2023 đến ngày 25-4-2024 là 05 tháng 25 ngày) bằng 2.421.000 đồng tiền lãi và ông G tự nguyện rút phần yêu cầu trả tiền lãi chênh lệch so với đơn khởi kiện là 9.879.000 đồng; Đối với ông T thì không ý kiến trình bày. Xét yêu cầu trả lãi trên tiền nợ gốc này của ông G là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 440, khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nên cần chấp nhận. Việc ông G thay đổi phần yêu cầu tính lãi và tự nguyện rút một phần yêu cầu số tiền lãi chênh lệch so với yêu cầu khởi kiện ban đầu là phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với số tiền lãi ông T đã đóng 2.000.000 đồng sau khi vay tiền của ông G thì ông G không yêu cầu xem xét lại; Đối với bị đơn ông T không có yêu cầu phản tố trong cùng vụ án, nên Tòa án không có cơ sở xem xét giải quyết về số tiền lãi đã đóng này.

[6] Từ những phân tích trên, cần chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Trường G; Buộc ông Nguyễn Văn Thanh T phải có trách nhiệm trả cho ông G số tiền đã vay còn nợ gốc lãi là 52.421.000 đồng (Trong đó: Gốc là 50.000.000 đồng và lãi là 2.421.000 đồng).

[7] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Yêu cầu của ông Phạm Trường G được chấp nhận, nên ông không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm

ứng án phí đã đóng. Đối với ông Nguyễn Văn Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5% trên số tiền nợ phải trả cho ông G.

[8] Xét quan điểm của Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 70, 91, 144, 147, 227, 228, 244, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 280, 351, 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26, điểm b Tiểu mục 1.3 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí, lệ phí Tòa án) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Trường G.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn Thanh T phải trả cho nguyên đơn ông Phạm Trường G số tiền đã vay còn nợ tổng cộng là 52.421.000đ (Năm mươi hai triệu bốn trăm hai mươi mốt nghìn đồng). Trong đó: Tiền gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng); Tiền lãi là 2.421.000.000đ (Hai triệu bốn trăm hai mươi mốt nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Trường G đối với số tiền lãi chênh lệch mà ông yêu cầu ông Nguyễn Văn Thanh T trả là 9.879.000đ (Chín triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn đồng) so với nội dung yêu cầu của đơn khởi kiện.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Văn Thanh T phải chịu 2.621.000đ (Hai triệu sáu trăm hai mươi mốt nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Phạm Trường G số tiền tạm ứng án phí 1.558.000đ (Một triệu năm trăm năm mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001333 ngày 22 tháng 12 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án

dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Thảo